

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO
TẠI CÁC HUYỆN NGHÈO
Theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ,

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Là hộ nghèo thuộc diện được vay vốn theo quy định hiện hành tại NHCSXH thuộc địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ (các huyện nghèo thuộc các tỉnh có tên trong Danh sách đính kèm).

2. Điều kiện áp dụng chính sách cho vay ưu đãi lãi suất

a) Là hộ gia đình nghèo đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc 61 huyện nghèo và phải có trong Danh sách hộ nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công bố, được Tổ Tiết kiệm và vay vốn bình xét lập danh sách có xác nhận của UBND cấp xã.

b) Chủ hộ (hoặc người đại diện hộ gia đình) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người đại diện cho hộ gia đình trong quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

3. Mức cho vay và lãi suất cho vay

Hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo được vay vốn tại NHCSXH theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với

người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản liên quan khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành.

Ngoài ra, hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo còn được vay ưu đãi lãi suất tại NHCSXH để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề với mức cho vay và lãi suất cho vay như sau:

a) Mức cho vay tối đa là 10 triệu đồng/hộ, hộ nghèo có thể vay một hoặc nhiều lần nhưng tổng doanh số các lần vay cộng lại không quá 10 triệu đồng.

b) Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 0,60%/tháng;

c) Thời gian áp dụng mức lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 1 này tối đa là 03 năm kể từ thời điểm hộ nghèo bắt đầu nhận vốn vay.

Trường hợp hộ nghèo đã vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo theo văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 và đang có dư nợ, nếu tiếp tục có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề thì tiếp tục được vay thêm tối đa 10 triệu đồng, với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong thời gian tối đa là 3 năm theo hướng dẫn tại điểm a, b, c của khoản 3 này nhưng tổng dư nợ cả cũ và mới không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định từng thời kỳ của chương trình cho vay hộ nghèo (Hiện nay, mức cho vay tối đa của chương trình cho vay hộ nghèo là 50 triệu đồng/hộ).

Trường hợp hộ nghèo có nhu cầu vay vốn mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề trên 10 triệu đồng và thời gian vay vốn trên 03 năm thì số tiền vay trên 10 triệu đồng và thời hạn vay vốn trên 3 năm được áp dụng lãi suất cho vay hộ nghèo và các quy định về cho vay hộ nghèo hiện hành.

4. Những nội dung khác về: Thời hạn cho vay, phương thức cho vay, điều kiện cho vay, thủ tục và quy trình cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi, gia hạn nợ, xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra, đối chiếu nợ,... được thực hiện như cho vay vốn đối với hộ nghèo theo quy định hiện hành.

5. Ghi chép, theo dõi trên Sổ vay vốn

- Đối với Sổ vay vốn (Sổ khách hàng lưu giữ): được ghi và theo dõi chung trong chương trình cho vay hộ nghèo.

- Đối với Sổ lưu từ rời (Sổ Ngân hàng lưu): được lập Sổ lưu từ rời riêng để ghi và theo dõi Cho vay - thu nợ - dư nợ của khoản cho vay theo văn bản này.

6. Hướng dẫn chuyển tiếp

a) Đối với hộ nghèo đã vay vốn theo văn bản số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc “Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ” mà phát sinh trước ngày 14/3/2014 và đang còn dư nợ thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước tại thời

điểm ký kết hợp đồng. Việc vay vốn ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg và Thông tư này được thực hiện sau khi hết hạn vay vốn và hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên.

b) Đối với các khoản vay theo hướng dẫn tại văn bản số 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phát sinh đến ngày 01/10/2014 và đang còn dư nợ thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký.

7. Chi trả phí dịch vụ uỷ thác và hoa hồng

Phí dịch vụ uỷ thác trả cho các tổ chức chính trị - xã hội và hoa hồng trả cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn được thực hiện giống như chương trình cho vay hộ nghèo hiện hành.

8. Tổ chức thực hiện

a) Báo cáo thống kê

- Toàn bộ kết quả về cho vay, thu nợ, dư nợ của chương trình cho vay hộ nghèo tại các huyện nghèo theo hướng dẫn tại văn bản này được tổng hợp chung trong báo cáo cho vay hộ nghèo hiện hành (mẫu số 02.1/BCTD).

- Ngoài ra, để có số liệu báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan về kết quả cho vay hộ nghèo theo Nghị quyết 30a, định kỳ vào ngày 07 hàng tháng, NHCSXH lập báo cáo theo mẫu 02 đính kèm để theo dõi tất cả các khoản vay từ khi thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP trở đi. Việc lập báo cáo, thống kê hàng tháng được thực hiện theo Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc báo cáo, thống kê áp dụng trong hệ thống NHCSXH.

Lưu ý, chỉ tiêu nợ xấu trong báo cáo mẫu 02 này bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh của những khoản nợ cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP được Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn tại văn bản 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009, văn bản 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 và văn bản này.

b) Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm báo cáo UBND các cấp, Ban đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp để chỉ đạo phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương để triển khai thực hiện chính sách này.

c) NHCSXH phối hợp với các địa phương tổ chức công khai chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 tại UBND cấp xã, phối hợp với các cơ quan có liên quan để tuyên truyền chính sách này đến các đối tượng thụ hưởng và thực hiện việc cho vay ưu đãi theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc tại văn bản này.

Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích thì NHCSXH địa phương phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và UBND các cấp để thu hồi số tiền sử dụng sai mục đích.

d) Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các văn bản: văn bản số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số

30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, văn bản số 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 1224/NHCS-TDNN ngày 12/5/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo tại huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg.

Yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh có huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc (thông qua Ban Tin dụng người nghèo) để xem xét, giải quyết. *l*

(Gửi kèm Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Danh sách các huyện nghèo).

Nơi nhận:

- NHNN Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT, các t/viên HĐQT, các t/viên Ban chuyên gia tư vấn HĐQT;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, TP có huyện nghèo;
- 04 TC CT-XH nhận uỷ thác (để phối hợp thực hiện);
- Tổng Giám đốc, Trưởng BKS;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Các phòng, ban tại HSC;
- TTĐT, TT CNTT;
- 20 CN NHCSXH tính theo danh sách đính kèm;
- Lưu VT, PC, TDNN.

} để báo cáo

} để thực hiện

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

09919734

Tháng năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được		Lũy kế từ đầu năm	
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ	Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn
I	Tỉnh A... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
II	Tỉnh B... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
III	Tỉnh								
	Tổng cộng (I+II+III...)								

Lập biên
(Ghi rõ họ, tên)

Kiểm soát
(Ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Hình thức báo cáo: - Bằng văn bản hoặc gửi thư điện tử

Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Tín dụng (Email: phongtd@sbv.gov.vn, Fax: 04.38256626/04.38248800) – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thời hạn gửi báo cáo: - Trước ngày 10 của tháng kế tiếp

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người thực hiện báo cáo.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.38250607/04.39349428.

**DANH SÁCH CÁC HUYỆN NGHÈO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/2008/NQ-CP NGÀY 27/12/2008 CỦA
CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo văn bản số 3350/NHCS-TDNN ngày 02/10/2014 của Tổng Giám đốc
NHCSXH về việc Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại các
huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ)*

**I. Danh sách 62 huyện nghèo ban hành kèm công văn số 705/TTg-KGVX
ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ:**

1. Tỉnh Hà Giang, gồm 6 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Quán Bạ, Yên Minh, Xín Mần và Hoàng Su Phì.
2. Tỉnh Cao Bằng, gồm 5 huyện: Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc và Hạ Lang.
3. Tỉnh Lào Cai, gồm 3 huyện: Si Ma Cai, Mường Khương và Bắc Hà.
4. Tỉnh Yên Bái, gồm 2 huyện: Mù Căng Chải và Trạm Tấu.
5. Tỉnh Phú Thọ, gồm 1 huyện: Tân Sơn.
6. Tỉnh Bắc Giang, gồm 1 huyện: Sơn Động.
7. Tỉnh Bắc Kạn, gồm 2 huyện: Ba Bể và Pác Nặm.
8. Tỉnh Điện Biên, gồm 4 huyện: Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Nhé và Điện Biên Đông.
9. Tỉnh Lai Châu, gồm 5 huyện: Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên và Tân Yên (tách ra từ huyện Than Uyên theo Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ).
10. Tỉnh Sơn La, gồm 5 huyện: Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai và Sốp Cộp.
11. Tỉnh Thanh Hoá, gồm 7 huyện: Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hoá, Bá Thước, Mường Lát và Quan Sơn.
12. Tỉnh Nghệ An, gồm 3 huyện: Quế Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn.
13. Tỉnh Quảng Bình, gồm 1 huyện: Minh Hoá.
14. Tỉnh Quảng Trị, gồm 1 huyện: Đa Krông.
15. Tỉnh Quảng Nam, gồm 3 huyện: Nam Trà My, Tây Giang và Phước Sơn.
16. Tỉnh Quảng Ngãi, gồm 6 huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà và Ba Tơ.
17. Tỉnh Bình Định, gồm 3 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh.
18. Tỉnh Ninh Thuận, gồm 1 huyện: Bác Ái.
19. Tỉnh Lâm Đồng, gồm 1 huyện: Đam Rông.
20. Tỉnh Kon Tum, gồm 2 huyện: Kon Plong và Tu Mơ Rông.

**II. Danh sách 02 huyện nghèo được bổ sung theo Quyết định số 1791/QĐ-
TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

1. Tỉnh Lai Châu, gồm 1 huyện: Nậm Nhùn.
2. Tỉnh Điện Biên, gồm 1 huyện: Nậm Pồ

Tổng số: 64 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh 